

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC GÓI THẦU " MUA SẮM HÓA CHẤT, SINH PHẨM,VẬT TƯ Y TẾ BỔ SUNG ĐỢT 1 SỬ DỤNG TỪ THÁNG 06/2025 ĐẾN THÁNG 12/2025" CỦA BỆNH VIỆN ĐA LIỄU TỈNH KHÁNH HÒA

VẬT TƯ Y TẾ						
Stt	Tên HC/SP/VTTH	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Lam kính	Kích cỡ: 25,4 x 76,2 mm , độ dày: 1- 1,2mm, 72pcs Điều kiện kỹ thuật: kính trong suốt, không mờ, không bọt khí, không vết nứt, màu trắng		cái	8.000	XN Vi sinh
2	Lamen	Kích thước: 20 mm x 20 mm, độ dày: 0,13-0,17 mm, 100 pcs		cái	8.000	XN Vi sinh
3	Ống EDTA	Chứa chất kháng đông EDTA K2, có vạch chia định mức thể tích 2ml. Nắp nhựa, màu xanh dương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016		ống	3.000	Cam kết sử dụng được cho máy huyết học TC-Hemaxa 1000, máy CELL Dyn Emerald 22
4	Ống Serum	Kích thước ống: 12x75mm. Màu nắp, nhãn ống: Đỏ.Chất liệu ống: Được làm bằng nhựa PET trắng trong như thủy tinh hoặc nhựa PP, chứa hạt silicam micronised. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016		cái	5.000	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix, TC Matrix 240
5	Que tăm bông (lấy mẫu nữ)	Que gòn lấy mẫu xét nghiệm đã tiệt trùng, thân gỗ, dài 16cm, một đầu gòn đóng gói từng ống nhựa PP, có nhãn ghi		que	1.500	
6	Que tăm bông (lấy mẫu nam)	Tăm bông tiệt trùng, cán inox, chứa trong ống nhựa PP, nắp nhựa HDPE. Kích thước ống: 12x90mm		que	1.500	
7	Lưỡi dao mổ số 10	Quy cách: Hộp 100 cái, tiệt trùng, lưỡi dao bầu đóng gói riêng lẻ từng cái.		cái	100	
8	Lọ nước tiểu	Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu (đỏ, trắng,...), dung tích 55ml. Kích thước : chiều cao 60mm, đường kính 35mm. Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016:2016		lọ	100	
9	Kim chích máu	Thép Carbon, đầu mũi kim được vát nhọn. Tiệt trùng từng cây và đóng gói tiệt trùng riêng biệt.		cái	100	

10	Đầu cole vàng	Chất liệu: Nhựa PP chính phẩm, màu vàng, không khóa Đặc điểm: Không khóa, Độ cole ôm kín đầu cây micropipet. Kích cỡ: dung tích 0-200 µl Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016		cái	15.000	
11	Đầu cole xanh	Chất liệu: Nhựa PP chính phẩm, màu xanh. Đặc điểm: Độ cole ôm kín đầu cây micropipet. Kích cỡ: dung tích 0-1000 µl Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016		cái	2.200	
12	Giấy in nhiệt (N)	Cuộn kt 50mm x 30m, Giấy in dùng được cho máy HH Hemaxa 1000		cuộn	10	Cam kết sử dụng được cho máy huyết học TC-Hemaxa 1000
13	Giấy lau vật kính dầu	Quy cách: 100 tờ/xấp. Sử dụng được cho vật kính x100 của Kính hiển vi		xấp	10	
14	Tấm Plate	Đáy lõm, 96 giếng (cột x hàng: 12x8), vật liệu nhựa trong suốt.		cái	100	
15	Bóng đèn Halogen	Bóng Halogen 6v10w (Linh kiện chính hãng Máy Sinh hóa tự động TC Matrix 240)		cái	6	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix 240
16	Ống nghiệm Thủy Tinh	Kích thước: 12x75mm. Dung tích: 5ml Ống thủy tinh trơn không nắp không vành dày dặn chịu nhiệt		ống	1.000	
17	Cuvette	Có thể tái sử dụng ,chiều dài quang học 6mm, tách riêng biệt từng cái. Cam kết sử dụng được cho máy Sinh hóa tự động TC Matrix 240		cái	100	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix 240
18	Tube đựng huyết thanh Eppendoff	Chất liệu: Nhựa PP chính phẩm. Nắp bật Dung tích: 1,5ml		cái	2.000	
19	Bình hủy kim 1,5 lít	Kích thước sản phẩm: 10x10x20 cm. Chất liệu nhựa		cái	50	
20	Bình hủy kim 6,8 lít	32 x 13.5 x 30.5 cm. Chất liệu nhựa		cái	80	
21	Cồn 70 độ	70% ethanol và nước cất		lít	40	
22	Cồn 90 độ	90% ethanol và nước cất		lít	15	
23	Dầu soi Kính hiển vi	Sử dụng cho kính hiển vi - có bản chất dầu và có chiết suất xác định vào khoảng 1,516. Điều quan trọng là chỉ số khúc xạ (nD) khoảng 1,5, tương tự như của thủy tinh. Dầu được sử dụng cùng với lam kính và được đặt giữa bề mặt của mẫu vật và thấu kính của kính hiển vi. Dầu ngâm thực tế loại bỏ sự lệch chùm ánh sáng để hiệu quả của thấu kính được tăng lên đáng kể. Dầu được sản xuất từ một thành phần tự nhiên và được phát triển, chứng nhận và đăng ký là sản phẩm CE / IVD.		mL	500	

24	Băng keo cá nhân	Không giới hạn kích thước. Dùng để bảo vệ vết thương hở		cái	10.000	
HÓA CHẤT, SINH PHẨM						
Stt	Tên HC/SP/VTTH	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Dung dịch rửa dùng cho máy huyết học	Thành phần: Sodium Sulfate<1.5%		ml	80.000	Cam kết sử dụng được cho máy huyết học TC-Hemaxa 1000
2	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	Thành phần: NaCl≤9.4%, Buffer≤1.6%, Anti-Microbial Agent≤1.0%		ml	120.000	Cam kết sử dụng được cho máy huyết học TC-Hemaxa 1000
3	Dung dịch phá hồng cầu dùng cho máy huyết học	Thành phần: Quaternary Ammonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5%		ml	2.500	Cam kết sử dụng được cho máy huyết học TC-Hemaxa 1000
4	Dung dịch rửa	Chất hoạt động bề mặt <2,0 g / L Natri hypochlorous <100 g / L Natri hydroxit <100 g / L Chất ổn định và chất bảo quản		ml	200	Cam kết sử dụng được cho máy huyết học TC-Hemaxa 1000 (Probe)
5	Dung dịch rửa	Proteolytic Enzyme 3.0 - 10 g / L Chất hoạt động bề mặt 0,3 - 1,5 g / L Natri clorua 3.0 - 5.0 g / L Chất chống nấm và chống vi khuẩn 0,5 - 2,5 g / L Chất đệm 1,0 - 4,0 g / L Chất ổn định và chất bảo quản		ml	350	Cam kết sử dụng được cho máy huyết học TC-Hemaxa 1000 (E-Z)
6	Dung dịch QC	Cam kết sử dụng được cho máy huyết họcCell Dyn Emerald 22 (bằng phương pháp Laser)		bộ	7	Cam kết sử dụng được cho máy huyết họcCell Dyn Emerald 22 (bằng phương pháp Laser)
7	Dung dịch chuẩn máy xét nghiệm sinh hóa	Dùng trong xét nghiệm Calib Calib được HDL, LDL Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016: 2016Calib được cho Alkaline Phosphatase, Albumin, ALT(GPT), Amylase, AST(GOT), Gamma-GT (GGT), Bilirubin Direct, Bilirubin Total, Cholesterol, Triglyceride, HDL Cholesterol Direct, LDL Cholesterol Direct, CK-NAC, Total Protein, Urea (BUN), Creatinine Jaffe, Uric Acid, Glucose GOD PAP. Cam kết có thông số chuẩn máy cho HDL,LDL		ml	49	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix, máy TC Matrix 240 (Calib). Cam kết có thông số chuẩn máy cho HDL,LDL
8	GOT	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST/GOT trong máu (bao gồm thuốc thử 1 và 2), được đo bằng phương pháp Kinetic (phương pháp đo động học)	Nhóm nước G7	ml	850	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix, máy TC Matrix 240
9	GPT	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST/GOT trong máu (bao gồm thuốc thử 1 và 2), được đo bằng phương pháp Kinetic (phương pháp đo động học)	Nhóm nước G7	ml	850	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix, máy TC Matrix 240

10	Ure	Thuốc thử xét nghiệm định lượng UREA trong máu bao gồm thuốc thử 1 và thuốc thử 2, phương pháp đo Kinetic	Nhóm nước G7	ml	850	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix, máy TC Matrix 240
11	Creatinin	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CREATININE trong máu , bao gồm thuốc thử 1 và thuốc thử 2	Nhóm nước G7	ml	850	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix, máy TC Matrix 240
12	Glucose	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GLUCOSE trong máu , phương pháp đo Endpoint	Nhóm nước G7	ml	800	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix, máy TC Matrix 240
13	Cholesterol	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CHOLESTEROL trong máu, phương pháp đo Endpoint	Nhóm nước G7	ml	600	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix, máy TC Matrix 240
14	Triglycerid	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TRIGLYCERIDES trong máu , phương pháp đo Endpoint	Nhóm nước G7	ml	600	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix, máy TC Matrix 240
15	Acid Uric	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Uric Acid trong máu, phương pháp đo Endpoint	Nhóm nước G7	ml	300	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix, máy TC Matrix 240
16	LDL-C	Thuốc thử định lượng nồng độ LDL-Cholesterol, bao gồm thuốc thử 1 và thuốc thử 2 , phương pháp đo Endpoint	Nhóm nước G7	ml	600	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix, máy TC Matrix 240
17	HDL-C	Thuốc thử định lượng nồng độ HDL-Cholesterol, bao gồm thuốc thử 1 và 2 , phương pháp đo Endpoint	Nhóm nước G7	ml	600	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix, máy TC Matrix 240
18	Bilirubin Total	Thuốc thử định lượng nồng độ Bilirubin toàn phần, bao gồm thuốc thử 1 và thuốc thử 2 , phương pháp đo Endpoint	Nhóm nước G7	ml	600	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix, máy TC Matrix 240
19	Bilirubin Direct	Thuốc thử định lượng nồng độ Bilirubin trực tiếp, bao gồm thuốc thử 1 và thuốc thử 2 , phương pháp đo Endpoint	Nhóm nước G7	ml	600	Cam kết sử dụng được cho máy sinh hóa TC-Matrix, máy TC Matrix 240
20	Ngoại kiểm Giang mai	Thực hiện cho kỹ thuật: Treponema pallidum RPR định tính và định lượng. Treponema pallidum TPHA định tính và định lượng . Đáp ứng các điều kiện tham gia chương trình ngoại kiểm được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn		hộp	2	

21	RPR Carbon Kit	Độ nhạy của thuốc thử được hiệu chuẩn theo Tiêu chuẩn quốc tế số 1 của WHO đối với huyết tương giang mai ở người (NIBSC số tham chiếu 05/132). Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: 100%. Không có phản ứng prozone ở tỉ lệ pha loãng $\geq 1/128$. Thành phần bộ xét nghiệm gồm: - RPR Carbon Reagent, 2x5 mL - RPR Positive Control, 1 mL - RPR Negative Control, 1 mL - Lọ phân hóa chất, 2 ml - Que khuấy - Thẻ nhựa Đóng gói 500 xét nghiệm/hộp.		test	1500	
22	TPHA Microtitre Plate Kit	Bộ xét nghiệm được sử dụng để định tính và bán định lượng, xác định sự hiện diện kháng thể kháng T.pallidum trong huyết thanh hoặc huyết tương của bệnh nhân đạt chứng nhận CE, ISO. Bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C. Thời gian ủ 45 -60 phút ở nhiệt độ phòng Các mẫu máu có nồng độ Bilirubin (20 mg/dl), hemoglobin (10g/l), lipid (10g/l) và yếu tố khớp (300 IU/ml) không ảnh hưởng kết quả xét nghiệm. Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: 100%. Thành phần kit gồm: - 7,5 ml TPHA test cells. - 7,5ml TPHA control cells. - 2x10ml TPHA diluent. - 1ml TPHA positive control. - 1ml TPHA negative control. Đóng gói 100 xét nghiệm/hộp.		test	1500	
23	Test kháng thể viêm gan B (anti-HBs)	Độ chính xác: 100% Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu $\geq 98,7\%$ Ngưỡng phát hiện > 10mIU/ml Mẫu thử: huyết thanh; huyết tương		test	100	
24	Test nhanh kháng thể viêm gan C (HCV Ab)	Độ nhạy $\geq 99\%$ Độ đặc hiệu $\geq 99,4\%$ Mẫu thử: huyết thanh; huyết tương; máu toàn phần		test	100	

25	RF	Dùng để loại bỏ các yếu tố dạng thấp RF IgM trong huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tủy(CSF), là bước ban đầu trong việc xác định sự hiện diện của kháng thể IgM đặc hiệu trong các xét nghiệm miễn dịch gián tiếp. Quy cách: 20 ml/lọ		lọ	2	Cam kết dùng được cho hệ thống máy miễn dịch ELISA bán tự động (TC-92, TC-94,TC-96)
26	Test phát hiện kháng nguyên Chlamydia.	Độ nhạy: >93% Độ đặc hiệu: >97% Độ chính xác: > 96%	Nhóm nước G7	test	200	
27	Que nước tiểu 10 thông số	Quy cách: 100 test/hộp Dùng để đo các thông số sinh hoá của nước tiểu Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, -Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose		test	100	Cam kết sử dụng cho máy nước tiểu Mission U120